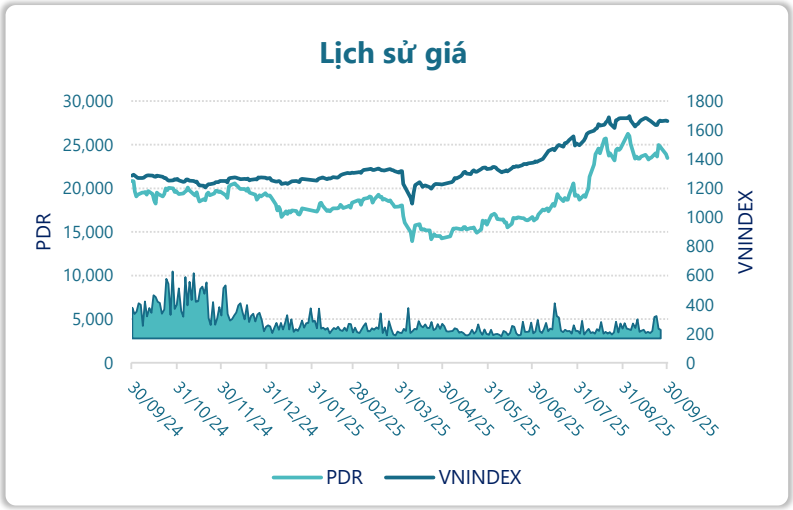
FireAnt

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**23,450**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,250
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,935
SL cổ phiếu LH	979,809,379
KLGD BQ 20 phiên (CP)	28,991,530
% sở hữu nước ngoài	9.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	22,977
P/E	40.3
EPS	582

DT thuần

Q3/25

507

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 487| 2445%

YoY: ▲ 504| 19160%

LN sau thuế

Q3/25

85.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 20.9| 32.3%

YoY: ▲ 34.6| 67.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

37.8%

+/- YoY: ▼ 5790%

DT thuần

9T 2025

964

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 791| 457%

LN sau thuế

9T 2025

201

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 47.0| 31.1%

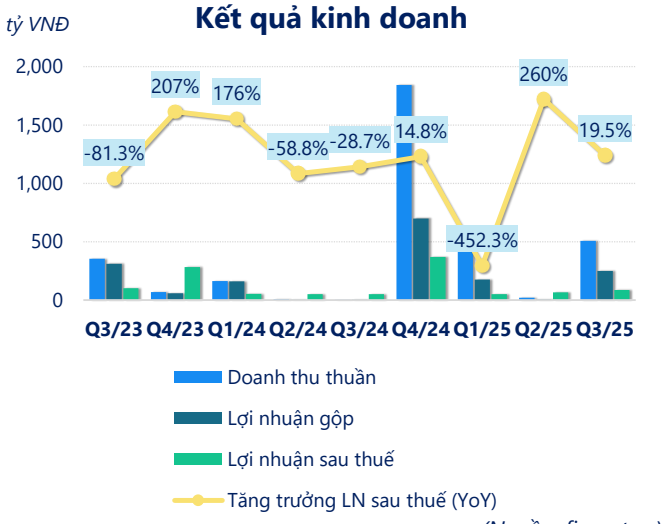
ROE

Q3/25

5.0%

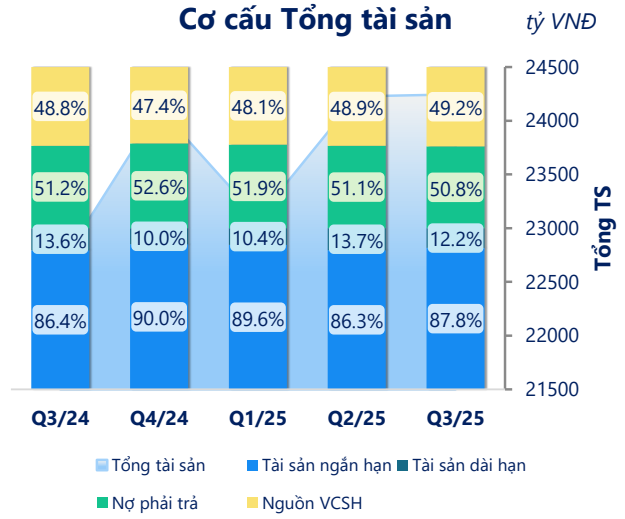
+/- YoY: ▲ 0.5%

Kết quả kinh doanh



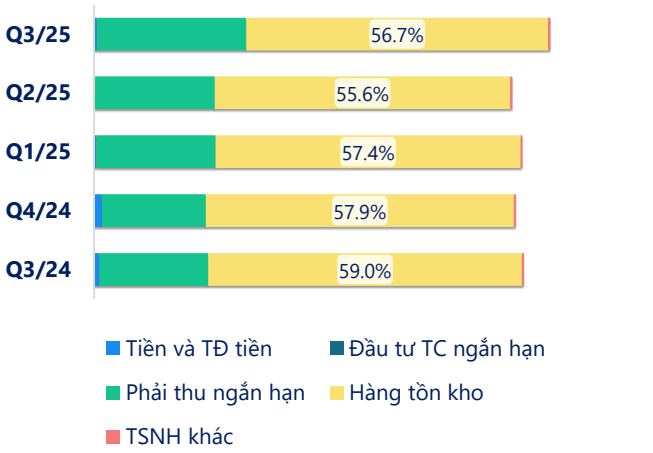
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



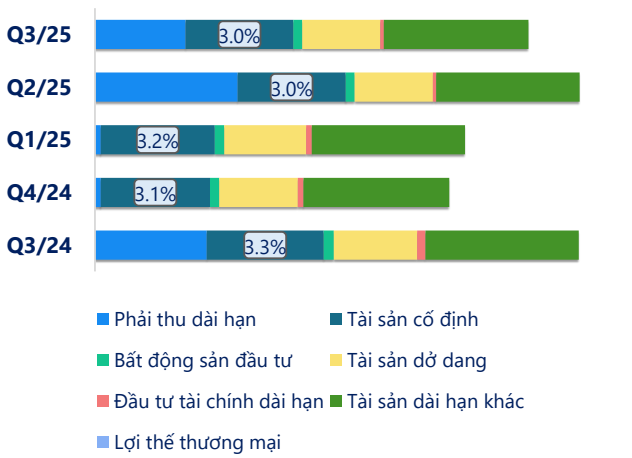
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



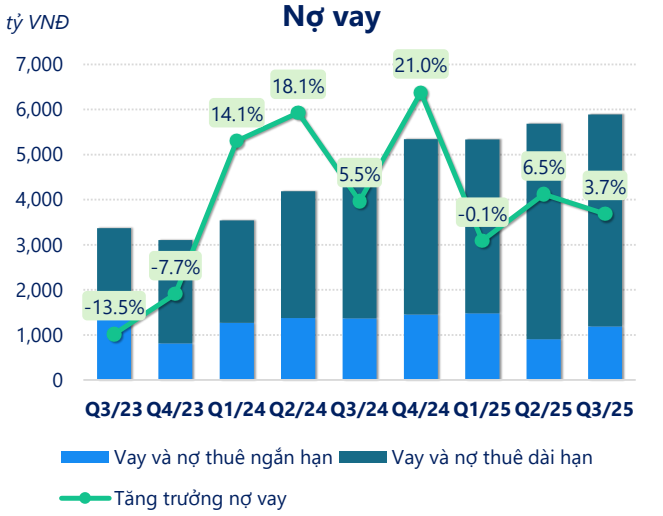
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



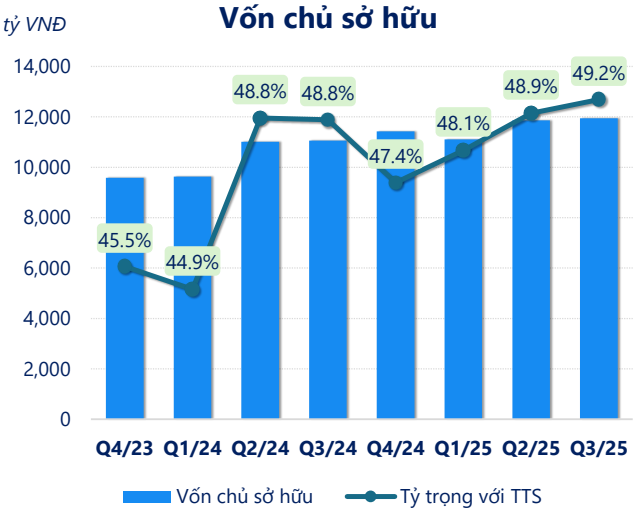
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



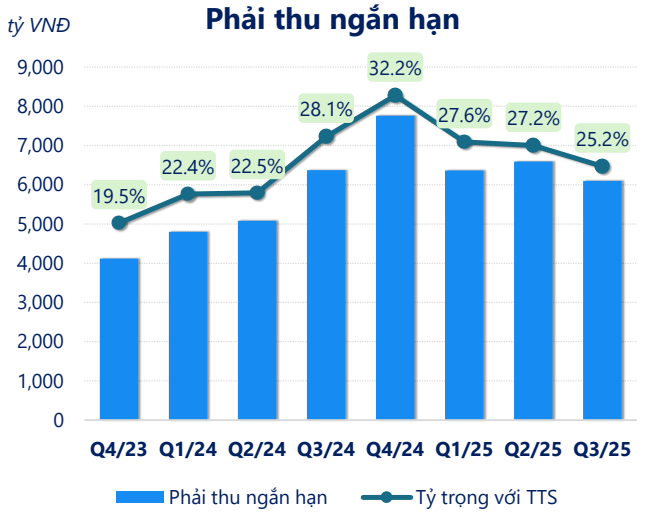
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



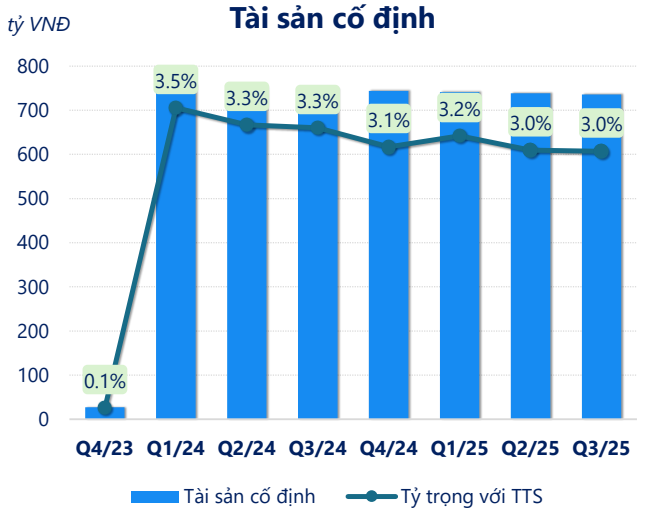
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



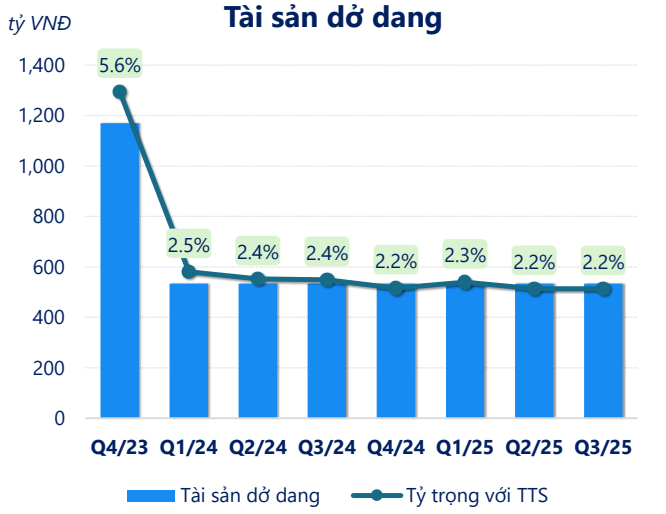
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



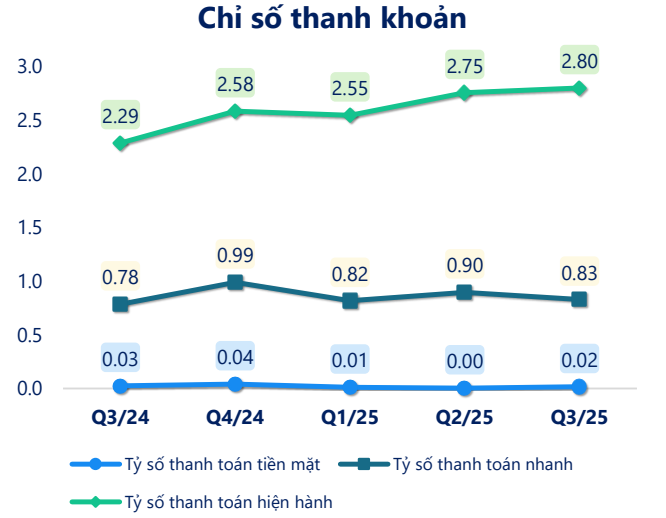
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



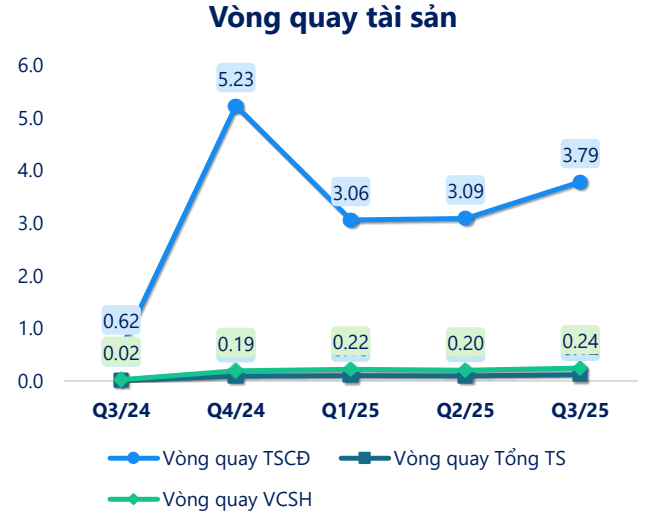
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**22,663**	**24,116**	**23,094**	**24,226**	**24,246**
Tài sản ngắn hạn	**19,571**	**21,706**	**20,683**	**20,913**	**21,282**
Tiền và tương đương tiền	221	344	84.0	25.2	116
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.4	115	100	100	0
Phải thu ngắn hạn	6,370	7,762	6,367	6,594	6,099
Hàng tồn kho	12,854	13,400	14,038	14,106	14,977
Tài sản ngắn hạn khác	111	84.6	94.9	88.4	88.9
Tài sản dài hạn	**3,093**	**2,410**	**2,411**	**3,313**	**2,964**
Phải thu dài hạn	714	38.7	38.7	975	621
Tài sản cố định	748	744	741	738	736
Bất động sản đầu tư	63.6	63.2	62.9	62.5	62.1
Tài sản dở dang	533	533	533	533	533
Đầu tư tài chính dài hạn	53.1	38.0	35.9	23.6	24.4
Tài sản dài hạn khác	980	993	999	980	987
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**11,606**	**12,693**	**11,986**	**12,371**	**12,305**
Nợ ngắn hạn	**8,558**	**8,400**	**8,126**	**7,593**	**7,602**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,366	1,455	1,481	904	1,189
Phải trả người bán ngắn hạn	182	198	182	143	121
Nợ dài hạn	3,049	4,293	3,860	4,778	4,703
Vay và nợ thuê dài hạn	3,049	3,889	3,856	4,778	4,703
Nguồn vốn chủ sở hữu	**11,057**	**11,424**	**11,108**	**11,856**	**11,941**
Vốn chủ sở hữu	**11,057**	**11,424**	**11,108**	**11,856**	**11,941**
Vốn điều lệ	8,731	8,731	8,731	9,072	9,798
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)